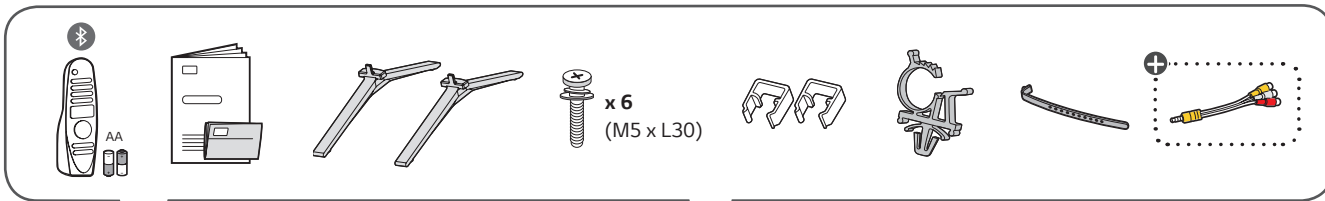
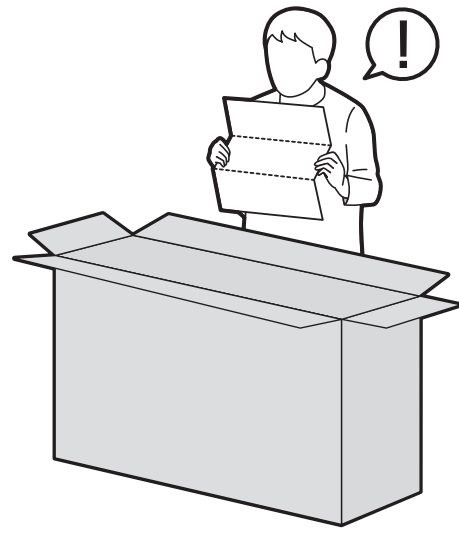
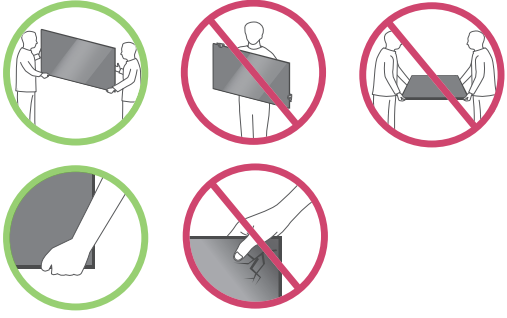
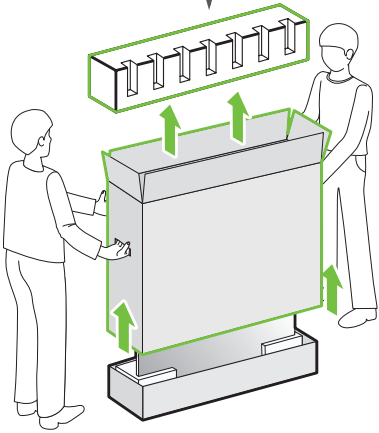


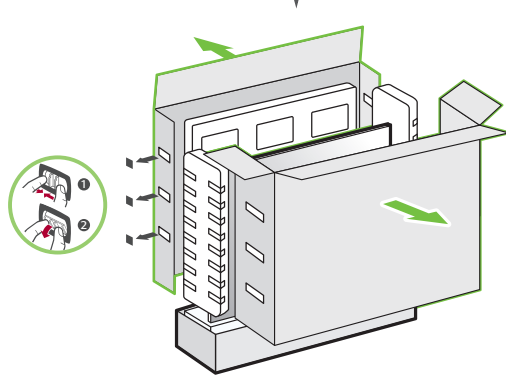
NANO90*



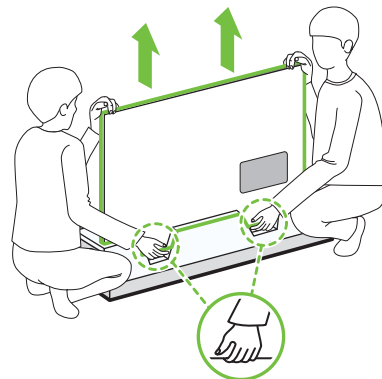
1-A 75NANO90*



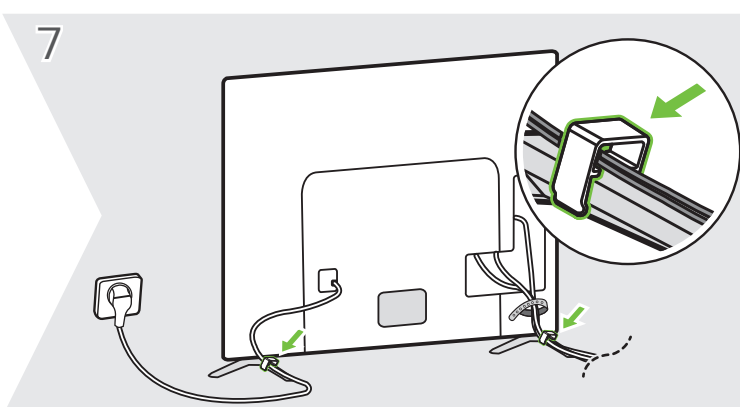
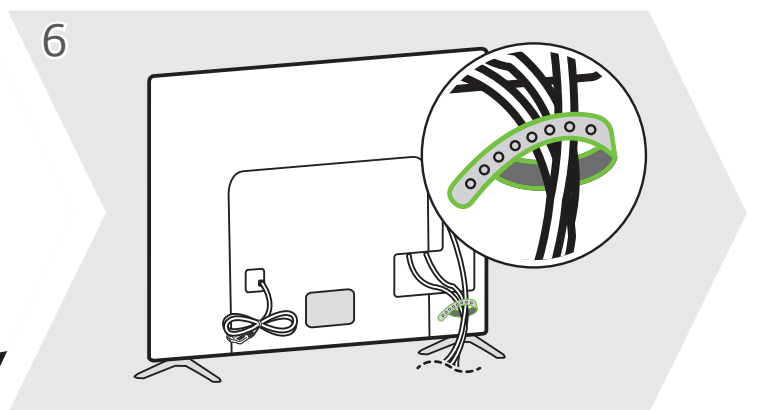
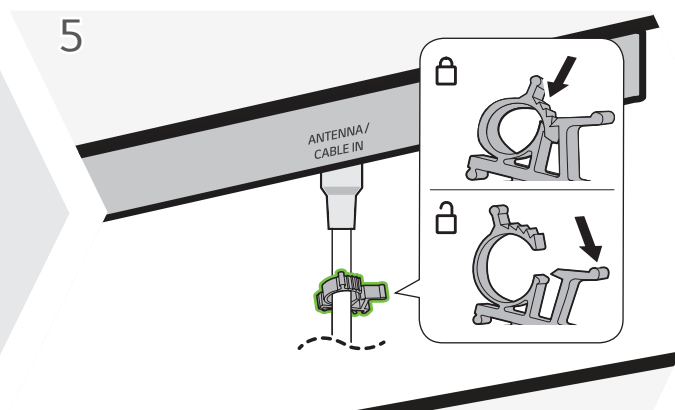
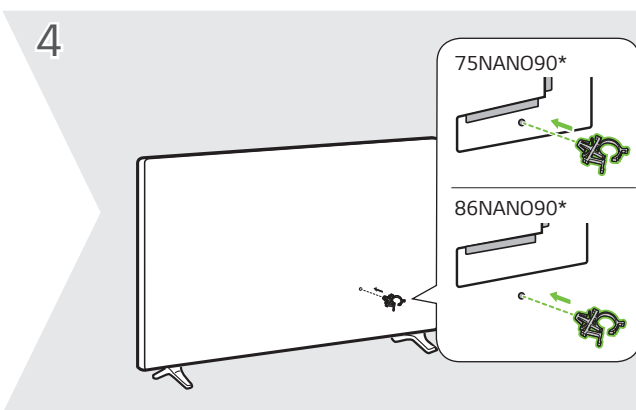
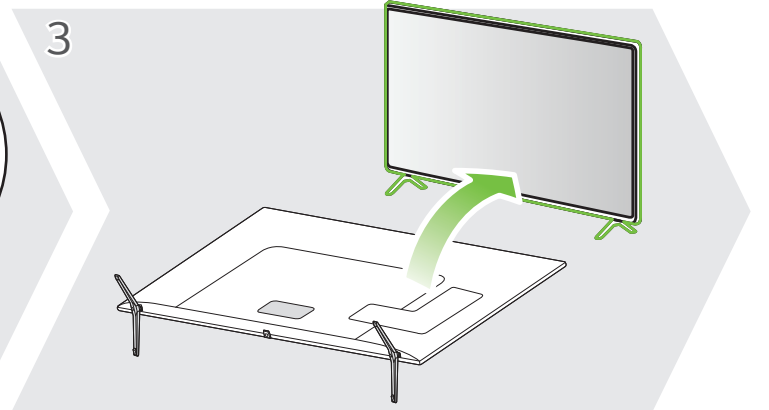
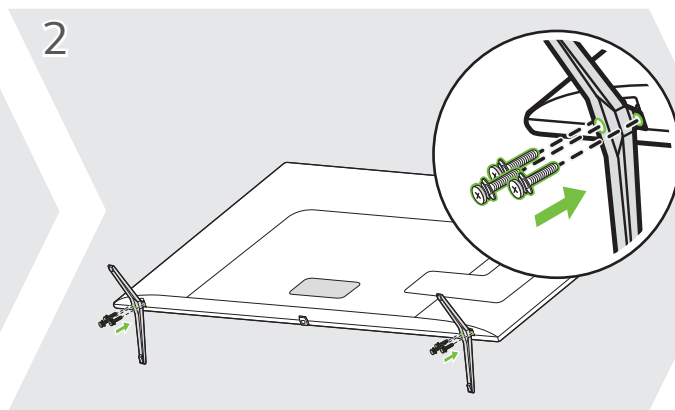
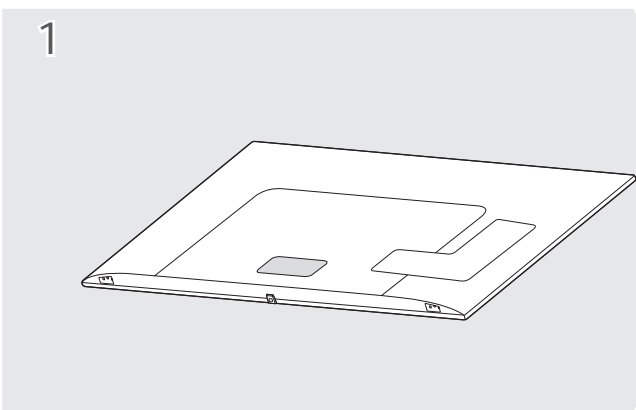
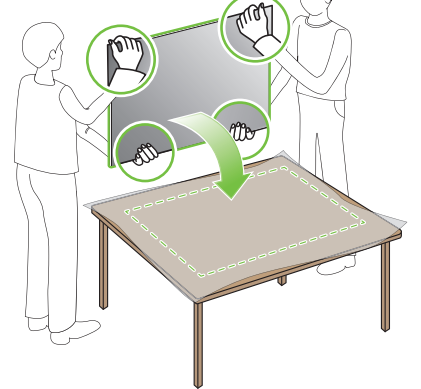
1-B 86NANO90*

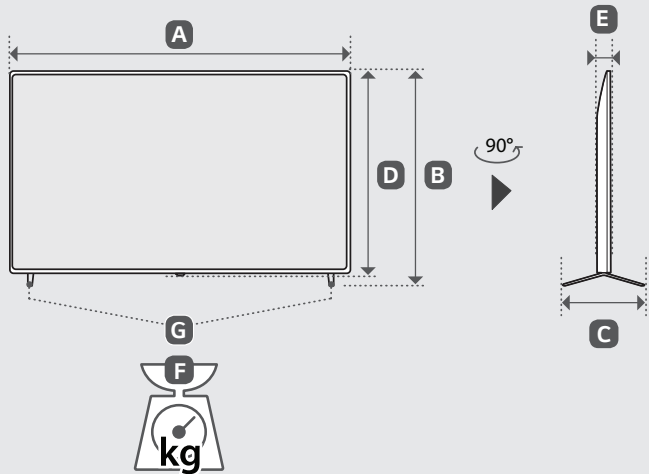
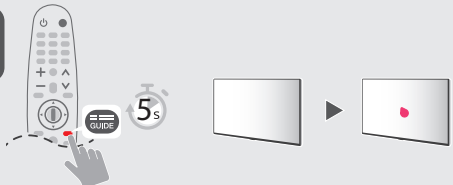
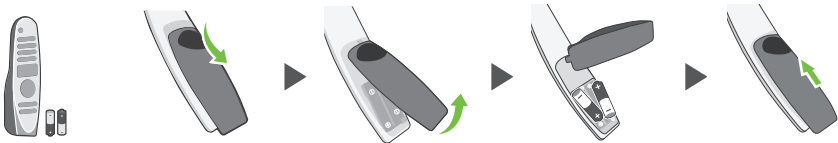
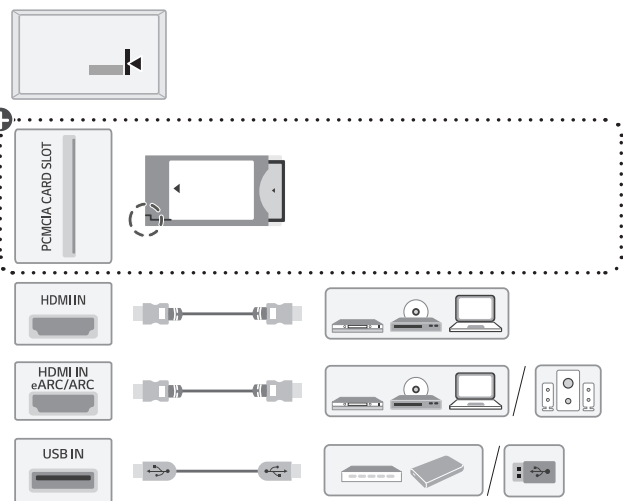
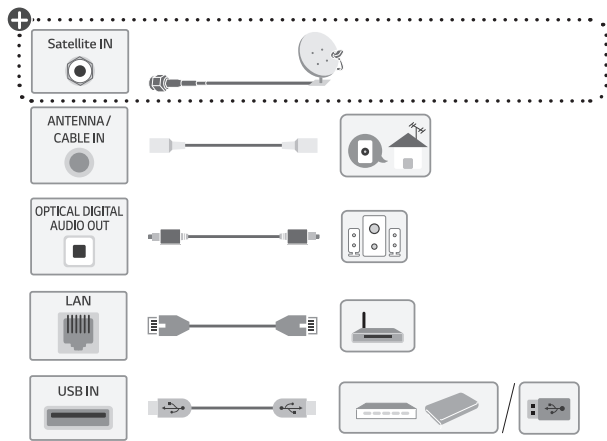
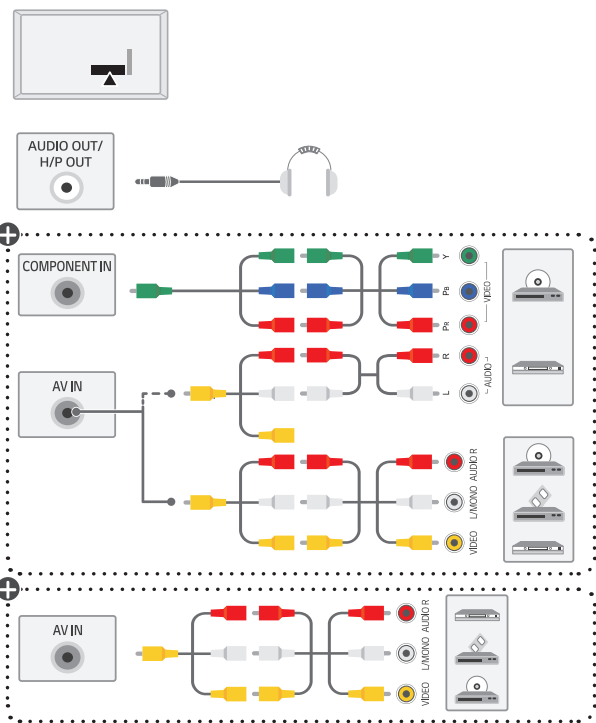


2



3





	A	B	C	D	E	F	F-G
	(mm)					(kg)	
75NANO90VNA	1677	1025	361	966	72.9	35.6	34.9
86NANO90VNA	1926	1165	361	1106	73.2	52.7	52.0
Power requirement / متطلبات الطاقة / Alimentation / Requisito de alimentação / מגדרת חשמל / แรงดันและความถี่ไฟฟ้า / Nguồn điện yêu cầu				AC 100-240 V ~ 50 / 60 Hz تيار متردد 240-100 فولت ~ 60 / 50 هرتز			



English

- Read **Safety and Reference**.
- The Analog Gender adapter can be purchased separately at Customer Service.

Français

- Lire le document **Sécurité et référence**.
- L'adaptateur analogique peut être acheté séparément auprès du SAV.

Português

- Consulte o manual **Segurança e referência**.
- O adaptador analógico pode ser comprado em separado no Serviço de Apoio ao Cliente da LG.

ภาษาไทย

- โปรดอ่านคู่มือใช้**ความปลอดภัยและการอ้างอิง**
- สายรวมสัญญาณ Component และ AV สามารถซื้อแยกต่างหากได้ที่ศูนย์บริการของบริษัท

Tiếng Việt

- Đọc phần **An toàn và Tham khảo**.
- Đầu chuyển tín hiệu analog có thể mua riêng tại Trung tâm chăm sóc khách hàng của LG.

العربية

- قراءة **الآمان والمرجع**.
- يمكن شراء النوع التناطري بشكل منفصل من دعم عملاء LG.

עברית

- יש לקרוא את **האזהרות, הפניות ואיזכורים**.
- כבל לחיבור אנאלוגי ניתן לרכישה במרכז השירות והתמיכה של LG ובחנויות למוצרי חשמל.



: Depending on model / حسب الطراز / Selon le modèle / Dependendo do modelo / בהתאם לדגם / ขึ้นอยู่กับรุ่น / Tùy theo mã sản phẩm